

Bản án số: 124/2021/HS-ST
Ngày: 15/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huỳnh
2. Bà Hàn Hòa Thuận

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Bích Liên – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 15/4/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2021/HSST ngày 02/02/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 1481/2020/QĐXXST-HS ngày 31/3/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn K**; giới tính: nam; sinh năm 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng lý thường trú: 475/16 đường H, Phường H (nay là phường V), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; con ông Nguyễn H và bà Đoàn Thị H1; hoàn cảnh gia đình: vợ tên Nguyễn Thị Kim N (đã ly hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 30/01/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 3 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng (Quyết định số 20/QĐ-TA ngày 30/01/2018); ngày 07/02/2020, chấp hành xong (bl.68, 69);

Bắt, tạm giam: 23/6/2020;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Trần Ngọc H2**, luật sư của Công ty L, Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Đoàn Thị H1**; sinh năm 1962; nơi cư trú: 4 đường H, Phường H (nay là phường V), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. **Công ty T**; địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà R, Số I đường Đ, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện: Ông **Lô Bằng G**; sinh năm 1972; là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 15 phút ngày 23/6/2020, tại trước nhà số D đường H, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an quận P kiểm tra và phát hiện bị cáo Nguyễn K cất giữ trái phép chất ma túy để bán lại cho người khác. Lực lượng công an đã tiến hành bắt giữ bị cáo, lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, thu giữ được của bị cáo 01 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,9479g, loại Methamphetamine, số ma túy này để ở trong túi quần của bị cáo đang mặc (bl.24, 59).

Đến 19 giờ ngày 23/6/2020, lực lượng công an tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo tại địa số D đường H, Phường H, Quận C, thu giữ trên sàn gác 01 hộp giấy ghi chữ V, bên trong có 02 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 51,6335g, loại Methamphetamine (bl.48).

Toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo đã được trưng cầu giám định, kết quả thể hiện tại bản Kết luận giám định số 1072/KLGĐ-H ngày 01/7/2020 của Phòng K1 – Công an Thành phố H (bl.59).

Trong quá trình điều tra, bị cáo khai như sau:

Do nghiện ma túy và không có tiền tiêu xài nên bị cáo đã 02 lần mua ma túy đá (Methamphetamine) của một đối tượng tên H3 (không rõ lai lịch) và bán lại cho người khác để kiếm lời, cụ thể:

- *Lần thứ nhất:* Vào ngày 13/6/2020, bị cáo mua 50g với giá 16.000.000đ, việc mua bán được thực hiện tại khu vực ngã tư C - V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- *Lần thứ hai:* Vào ngày 22/6/2020, bị cáo cũng mua 50g với giá 16.000.000đ, việc mua bán được thực hiện tại khu vực ngã tư C - V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi mua ma túy của H3, bị cáo mang về nơi ở của bị cáo tại địa chỉ 4 đường H, Phường H, Quận C, phân chia thành nhiều gói nhỏ để bán lại cho người khác. Từ ngày 13/6/2020 đến 22/6/2020, bị cáo đã 09 lần bán ma túy đá cho một đối tượng có tên gọi là Ty M (không rõ lai lịch), mỗi lần bán 5g với giá 2.300.000đ; việc mua bán được thực hiện tại khu vực đường H, quận P; bị cáo thu lợi 700.000đ. Ngày 23/6/2020, bị cáo tiếp tục mang ma túy đi bán cho Ty M thì bị công an bắt.

Trong quá trình điều tra, ngoài số vật chứng là ma túy đã nêu ở phần trên, cơ quan công an còn thu giữ của bị cáo một số đồ vật, tài sản như sau:

- 01 điện thoại di động S, kèm sim có số thuê bao 0919040385;
- 01 điện thoại di động Oppo (không có sim);
- 28.000.000đ;
- 01 cân điện tử;
- 01 cái muỗng nhựa;
- 01 đoạn ống hút nhựa;
- Một số bao nylon;
- 01 hộp giấy màu trắng, bên ngoài có ghi chữ Viettel;
- 01 xe máy Honda Vario mang biển số 51F2-22699.

Tại bản Cáo trạng số 478/CT-VKS-P2 ngày 19/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3, Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu.

Bà H1 khai trình như sau: Chiếc xe máy Honda Vario mang biển số 51F2-22699 thuộc quyền sở hữu của bà H1 mua theo hình thức trả góp. Bà H1 đã thế chấp xe cho Công ty T để vay tiền. Vào ngày 23/6/2020, bà H1 cho bị cáo mượn xe để sử dụng nhưng không biết bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội. Còn 28.000.000đ thu của bị cáo là tiền bà H1 đưa cho bị cáo để trả tiền mua xe và cất giữ cho bà H1 để làm chi phí khám chữa bệnh. Bà H1 xin được nhận lại chiếc xe và số tiền 28.000.000đ đã đề cập.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội như sau:

Căn cứ lời khai của bị cáo, kết quả giám định, các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở để xác định truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử kết án bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng.

Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự,

- Xử phạt bị cáo từ 15 đến 17 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; phạt bổ sung 10.000.000đ;
- Giao trả cho bà H1 chiếc xe máy mang biển số 51F2-22699 và 28.000.000đ
- Xử lý các vật chứng còn lại theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa.

Luật sư bào chữa cho bị cáo như sau: Bị cáo phạm tội do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo bị tật nguyền, không có việc làm; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; cung cấp số điện thoại của Ty M cho cơ quan điều tra. Do vậy, đề nghị Tòa án xem xét áp dụng điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; đồng thời áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất trong khung hình phạt và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bà H1 không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tranh luận với luật sư như sau: Khi bắt giữ bị cáo, cơ quan công an đã thu giữ chiếc điện thoại của bị cáo. Trong điện thoại của bị cáo có lưu lại lịch sử cuộc gọi, trong đó có số điện thoại của Ty M liên lạc với bị cáo. Hiện tại cũng chưa xác định Ty M là ai. Do vậy, việc luật sư đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là không có căn cứ. Về các nội dung khác mà luật sư nêu ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả giám định, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, có căn cứ để xác định:

Bị cáo Nguyễn K là người nghiện ma túy. Do không có tiền để mua ma túy sử dụng và tiêu xài cho cá nhân nên bị cáo đã mua bán trái phép chất ma túy để trục lợi. Bị cáo mua ma túy của H3 và bán lại cho Ty M. H3 và Ty M đều là những người không rõ lai lịch.

Vào khoảng 15 giờ 15 phút ngày 23/6/2020, ở tại trước nhà số D đường H, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, trong lúc bị cáo mang ma túy đi bán cho Ty M thì bị lực lượng công an bắt quả tang, thu giữ của bị cáo 4,9479g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine. Lực lượng công an thực hiện khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo tại địa số D đường H, Phường H, Quận C, tiếp tục thu giữ được của bị cáo 51,6335g ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine.

[3]. Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật phòng chống ma túy, Nghị định số 73/2013/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ thì M1 là chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Ma túy

(nói chung) là chất gây nghiện độc hại, việc sử dụng ma túy không chỉ gây thiệt hại về tài sản của gia đình, xã hội mà còn gây tổn hại đến sức khỏe. Người thường xuyên sử dụng ma túy sẽ bị rối loạn nhân cách, không làm chủ được hành vi, là nguyên nhân dẫn tới nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác như cướp tài sản, giết người, hiếp dâm... Chính vì vậy, pháp luật Nhà nước ta đã nghiêm cấm việc mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, sẽ bị nghiêm trị. Tuy nhiên, vì động cơ vụ lợi và muốn thỏa mãn ham muốn cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý vi phạm, bất chấp hậu quả.

[4]. Căn cứ các nhận định đã nêu, đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn K đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3, Điều 251 Bộ luật hình sự.

[5]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo:

Bị cáo đã mua bán trái phép 56,5804g Methamphetamine.

Bị cáo là người có nhân thân không tốt, nghiện ma túy, đã một lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo bị thương tật ở chân do tai nạn, vợ đã ly hôn, có 02 con còn nhỏ. Do vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng, đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6]. Về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, xử lý như sau:

Đối với chiếc xe máy mang biển số 51F2-22699: Xe thuộc quyền sở hữu của bà Đoàn Thị H1 (mẹ bị cáo) mua với hình thức trả góp. Bị cáo đã sử dụng xe làm phương tiện phạm tội. Theo lời khai của bị cáo và bà H1, thì bà H1 cho bị cáo mượn xe để đi đóng tiền mua xe trả góp; bà H1 không biết bị cáo sử dụng xe để mua bán ma túy. Không có căn cứ để xác định bà H1 có lỗi trong việc để cho bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội. Mặt khác, bà H1 cũng đã thế chấp xe cho Công ty T. Do vậy, cần giao trả xe cho bà H1.

Đối với 28.000.000đ: Theo lời khai của bị cáo và bà H1 thì số tiền này của bà H1 giao cho bị cáo cất giữ để trả tiền mua xe và làm chi phí chữa bệnh cho bà H1. Không có căn cứ để xác định số tiền đã nêu đã được sử dụng làm phương tiện phạm tội hoặc là tiền do phạm tội mà có. Do vậy, cần giao trả cho bà H1.

Đối với điện thoại di động S (kèm sim mang số thuê bao 0919040385) và chiếc cân điện tử: Là tài sản của bị cáo, bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với điện thoại di động O (không có sim): Là tài sản của bị cáo. Không có căn cứ để xác định bị cáo đã sử dụng chiếc điện thoại này làm phương tiện phạm tội. Do vậy, cần giao trả lại cho bị cáo.

Đối với ma túy còn lại sau giám định và các vật dụng còn lại: Là vật cấm lưu hành, vật được sử dụng làm phương tiện phạm tội nhưng không còn sử dụng được. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Các nhận định đã nêu cũng là lập luận để chấp nhận hoặc không chấp nhận các ý kiến của luật sư bào chữa.

[8]. Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1. Xử phạt bị cáo **Nguyễn K** 16 (mười sáu) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2020;

Phạt bổ sung 10.000.000đ (mười triệu đồng).

2. Về các biện pháp tư pháp.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 gói niêm phong bên ngoài ghi “vụ 1072/2020 P. N”, bên trong là ma túy còn lại sau giám định;
- 01 gói niêm phong bên ngoài ghi “vụ 1072/2020 P. N”, bên trong là ma túy còn lại sau giám định;
- 01 cái muỗng nhựa;
- 01 đoạn ống hút nhựa;
- Một số bao nylon;
- 01 hộp giấy màu trắng, bên ngoài có ghi chữ V.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu S, có số IMEI 1: 355228085455663, số IMEI 2: 35522905845566 và sim số 0916249663; (thực nhận nắp lưng điện thoại ghi số IMEI 1: 358860082397444; số IMEI 2: 358861082397442; màn bẻ không kiểm tra được imei, sim số do không có nguồn điện).
- 01 cân điện tử.

Giao trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu Oppo (không có sim);

Giao trả cho bà Đoàn Thị H1: 01 xe máy Honda Vario mang biển số 51F2-22699; 28.000.000đ (hai mươi tám triệu đồng);

Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản bàn giao tang tài vật số nk2021/006 ngày 12/10/2020 được lập giữa Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh và PC04 – Công an Thành phố H. Riêng số tiền 28.000.000đ hiện đang được gửi tại Kho bạc Quận A, theo Giấy nộp tiền ngày 21/7/2020.

3. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- | | |
|-------------------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - Cục THADS TP.HCM; | (1) |
| - Sở tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Trại giam; | (1) |
| - Người bào chữa; | (1) |
| - Đương sự; | (2) |
| - THAHS TP.HCM; | (1) |
| - Phòng PC53 - CA TP. HCM; | (1) |
| - UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu: VT, THS, hồ sơ; (20) | (5) |

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân